

NGHI LỄ PHẬT GIÁO Ở HÀ NỘI HIỆN NAY

Nguyễn Đình Lâm*

Tóm tắt: Nghi lễ Phật giáo ở Hà Nội, do tính vùng miền và tông phái, đồng thời là trung tâm văn hóa, chính trị kéo dài nhiều thế kỷ mà nghi lễ ở vùng này có những đặc điểm tương đối riêng so với một số nơi khác của Việt Nam, đặc biệt là ở Huế và thành phố Hồ Chí Minh. Mặc dù chịu sự chi phối trực tiếp từ giáo lý, giáo luận của đạo Phật nhưng nghi lễ Phật giáo ở Hà Nội đã góp phần tạo cho Phật giáo Việt Nam những sắc thái văn hóa độc đáo, khẳng định sự thống nhất trong đa dạng của Phật giáo Việt Nam và thế giới. Bằng phương pháp tiếp cận chuyên ngành và liên ngành, bài viết này sẽ rút ra những đặc điểm chính trong nghi lễ Phật giáo ở Hà Nội hiện nay.

Từ khóa: Nghi lễ Phật giáo, Phật giáo ở Hà Nội, Tông phái.

1. Đặt vấn đề

Phật giáo Đại thừa Bắc Bộ lấy Thiên - Tịnh - Mật đồng tu, ngoài ra còn có các lớp văn hóa tư tưởng khác của Nho giáo và Đạo giáo cùng với văn hóa bản địa, làm phương tiện cốt yếu trong quá trình hoằng pháp. Chính đặc điểm chung này dẫn đến sự thống nhất tương đối trong nghi lễ Phật giáo trong toàn vùng. Do tính chất tương đồng, thống nhất nhưng lại ảnh hưởng sâu nặng yếu tố vùng miền và tông phái nên ngay trong nội dung và hình thức nghi lễ Phật giáo ở mỗi vùng, thậm chí là ở từng tiểu vùng có những đặc điểm không giống nhau. Thể hiện ngay trong phương cách bài trí đàn lễ, tên gọi các bước lễ và trong đó tất nhiên âm nhạc là một thành tố không thể tách rời. Đó là nghi lễ: Phật đàn, Thường nhật, Vu lan, Trai đàn chẩn tế (Cầu siêu, Chẩn tế cô hồn, Phả độ gia tiên), Đại giới đàn - Thành đạo, Tượng niệm (Giỗ tổ: đạo, chùa, những người có công với đạo pháp hay một ngôi chùa cụ thể).

Trong bài viết này, tác giả tập trung nghiên cứu hai nghi lễ tiêu biểu của Phật giáo ở Hà Nội, đặt trong bối cảnh vùng châu thổ Bắc Bộ, đó là nghi lễ Thường nhật và nghi lễ Trai đàn chẩn tế. Đây là hai nghi lễ cho thấy khá đầy đủ diện mạo của nghi lễ Phật giáo vùng châu thổ Bắc Bộ. Nếu như nghi lễ Thường nhật cho thấy đời sống đạo của người xuất gia thì nghi lễ Trai đàn chẩn tế là nơi để người xuất gia thực hiện Phật sự của mình: đó là hoạt động hoằng dương Phật pháp thông qua cách thức ứng phó đạo tràng – những nghi lễ phối hợp giữa tín ngưỡng, phong tục bản địa với tư tưởng Phật giáo và một số yếu tố của Đạo giáo, Nho giáo để đưa tinh thần cốt lõi của Phật giáo vào đời sống nhân dân một cách đơn giản, thuận lợi nhất đến bước đường giác ngộ chúng sinh và truyền giáo.

2. Sự hòa quyện tư tưởng Thiên - Tịnh - Mật trong nghi lễ

Ở nghi lễ Thường nhật, tư tưởng này phản ánh trong hầu hết các thời lễ. Phật giáo miền Bắc nói chung, Phật giáo ở Hà Nội nói riêng chủ yếu là Phật giáo Đại thừa. Trải qua hàng nghìn năm du nhập và phát triển với những ảnh hưởng, thế mạnh yếu, đậm nhạt khác nhau trong các pháp

* TS. Đại học Quốc gia Hà Nội.

môn ở mỗi giai đoạn nhưng cho đến ngày nay, ba yếu tố Thiên - Tịnh - Mật được coi là đồng tu trong đời đạo của người xuất gia cũng như toàn bộ hoạt động của Phật giáo ở khu vực này. Hà Nội không nằm ngoài cái chung đó. Từ sự khảo sát, nghiên cứu thực tế những yếu tố tông phái trong nghi lễ Thường nhật ở Hà Nội, có thể bóc ra hai lớp với hai luận điểm:

Thứ nhất, *trong một thời lễ chứa đựng cả ba yếu tố tông phái trên*. Nghi lễ thường nhật của Phật giáo ở Hà Nội cũng như Phật giáo miền Bắc lấy giáo lý Đại thừa là cốt yếu. Từ xa xưa, ba yếu tố Thiên, Tịnh, Mật đã được định hình và hòa quyện vào nhau trong từng nghi lễ của Phật giáo. Vì thế, mặc dù, trong từng thời lễ, những yếu tố tông phái thể hiện sự đậm nhạt khác nhau, song quán xuyên và xuyên suốt là ba yếu tố trên luôn luôn tồn tại song hành. Theo Đại đức Thích Quảng Tiếp: *Ba yếu tố này thể hiện một cách sâu sắc và điển hình ngay trong thời lễ buổi sáng. Đó là quán, thiền định, giữ tâm tĩnh lặng khi tụng kinh và niệm các danh hiệu Phật. Đó là đọc chú, niệm Phật để “tiếp xúc” với Phật, Pháp, Tăng và giải trừ nghiệp chướng, vô minh (1).*

Ở đây, nếu như phương pháp tự thân tập trung tư tưởng, tu tập để thu nhận tinh hoa bên ngoài vào tâm, giữ thân tâm ở trạng thái thiền là một trong những đặc trưng của phép tu tập này thì phương pháp trì chú, chủ trương tiếp nhờ tha lực chính là một đặc trưng của pháp tu Mật tông; riêng Tịnh độ thì đặc trưng là niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà để có được cảnh giới sau này.

Cũng trong nghi lễ Thường nhật, nếu như thời lễ buổi sáng là sự phối hợp hài hòa giữa Thiên, Tịnh và Mật thì buổi trưa, yếu tố Tịnh độ nổi trội hơn cả và thể hiện rõ trên hai khía cạnh. Một là, trong nghi lễ thường nhật, có ba thời sáng, trưa, chiều tối, thì có tới hai thời trưa và chiều tối sử dụng kinh A Di Đà; ngoài ra, danh hiệu Đức Phật A Di Đà còn được niệm trong nghi thức lễ buổi sáng cùng với một số câu trì chú khác của Phật giáo Tịnh độ. Hai là, nghi thức cúng cháo bố thí chúng sinh, bên cạnh tiếp diễn yếu tố kinh điển Phật giáo nguyên thủy thì còn thể hiện sâu sắc tư tưởng Phật giáo Đại thừa khi mang tâm nguyện cứu vãn chúng sinh về cõi Tây phương Cực lạc.

Thứ hai, *trong ba yếu tố Thiên - Tịnh - Mật, hai yếu tố sau thể hiện dấu ấn đáng chú ý hơn*. Trước hết, ở nghi lễ Trai đàn chẩn tế, yếu tố Thiên tông thể hiện rất rõ ngay trong hai bước lễ tụng kinh và niệm danh hiệu Phật. Theo Đại đức Thích Thanh Phương, trụ trì chùa Sủi, Phú Thị, Gia Lâm, khi tụng kinh, sư và các vị tăng khác phải giữ thân tâm ở trạng thái thư thái, cân bằng và tập trung nhất. Chúng tôi được biết, để có được sự “chứng” của Phật cũng như để những lời Phật dạy trở thành “ngoại lực” thì hai yếu tố Tịnh - Mật được coi là quan trọng và được đan xen một cách hài hòa trong suốt quá trình đàn lễ diễn ra.

Tại sao nói hai yếu tố Tịnh và Mật lại là hạt nhân chính? Trước hết, nếu như Thiên tông chủ trương tự giải thoát bằng nội lực thì ngược lại, quan điểm Mật và Tịnh lại sử dụng tha lực, tạo cho Phật giáo trở thành một tôn giáo theo đúng nghĩa của nó khi thể hiện một cách sâu đậm các yếu tố thiêng để thu hút niềm tin của con người. Trong đó, yếu tố Tịnh độ thể hiện rõ nhất trên ba khía cạnh: các câu thần chú, niệm danh hiệu Phật và quán tưởng về cõi Tây phương Cực lạc. Tuy vậy, trên thực tế, yếu tố thứ nhất có trong yếu tố thứ hai và ngược lại. Điều này không khó để giải thích vì thực chất, Mật - Tịnh vốn có nhiều điểm tương đồng, từ quan niệm thế giới Tây phương Cực lạc đến một số quan điểm trong giáo lý, kinh sách. Ngay ở khoa tiếp linh, triệu linh, cắt kết và đàn ngục, các sư tăng sử dụng rất nhiều các ấn quyết và các chân ngôn, thần chú.

Trong kinh Dược sư, một bộ kinh được sử dụng rất nhiều trong Trai đàn chẩn tế cũng thể hiện hai yếu tố này.

Ở Việt Nam, hai tông phái này đã có quá trình đồng tu, hòa nhập mạnh mẽ ngay từ thời kỳ Lý - Trần. Nhưng, yếu tố thứ ba ở đây, Mật tông nổi trội và riêng biệt là trong nghi thức quán đỉnh và sử dụng pháp khí. Ở đây, bên cạnh Tịnh độ, Mật tông cũng cho rằng pháp khí là một phương tiện chứng ngộ, giải trừ nghiệp chướng và giải thoát (trong trường hợp Trai đàn chẩn tế). Tuy nhiên, nếu như Tịnh độ tông, “ngoài thần chú vốn có của Mật giáo, thì việc đọc tụng Kinh A Di Đà, thần chú vãng sinh Tịnh độ, niệm Phật, lễ Phật và hồi hướng Cực Lạc là những hành nghi chủ yếu” (2), thì Mật tông là quán đỉnh và sử dụng các thần chú, ấn quyết để diệt trừ ám chướng, khai mở trí tuệ. “Người tu tập Mật tông phải sử dụng tha lực của thần linh, thần chú, ấn quyết và các hình ảnh Mạn đà la để hỗ trợ hữu hiệu cho bản thân” (3).

Như vậy, cũng giống như Tịnh độ, Mật tông mang đậm trong mình yếu tố bùa chú, thần linh. Ngay trong nội bộ Phật giáo, trường hợp nghi lễ Trai đàn chẩn tế ở Hà Nội và vùng châu thổ Bắc Bộ, đã cho thấy rõ bước di chuyển của mình, đó là việc sử dụng các phương tiện hiện hữu trong đời sống tâm linh của nhân dân để tạo một bước di chuyển giả đi từ vô thần đến hữu thần, mà ở đó, các vị Bồ Tát đều là những con người siêu trần thoát tục. Tuy vậy, dù là sử dụng phương tiện nào đi nữa thì Phật giáo cũng chỉ phục vụ cho mục tiêu cuối cùng là giải thoát chúng sinh. Bởi Phật, xét đến cùng, “thường trụ ở thế gian, không sinh không diệt thì gọi là Phật[...] Và lại Phật có nghĩa là “Giác” (hiểu biết), vốn lặng lẽ, thường trụ, tất cả chúng sinh đều có cùng lẽ này” (4). Chính vì vậy, dù phương tiện nào cũng “chỉ có một vị, đó là vị giải thoát” mà thôi

Bảng 1. Yếu tố Thiên, Tịnh, Mật trong Trai đàn chẩn tế

STT	Đàn lễ/Nghi thức	Thiền tông	Tịnh độ tông	Mật tông
1.	Cúng tổ	Định tâm, quán tưởng	Niệm danh hiệu Phật, quán tưởng về cõi Tây phương Cực lạc	Trì, chú
2.	Tiếp linh	Nt	Niệm danh hiệu Phật, thần chú vãng sinh Tịnh độ	Nt
3.	Cúng Phật	Nt	Niệm danh hiệu Phật, Trì và đọc chú	Quán đỉnh, trì chú
4.	Triệu linh	Tập trung, quán tưởng	Niệm danh hiệu Phật	Sử dụng ấn-quyết, thần chú và bùa
5.	Tụng kinh	Định tâm, quán tưởng	- Tụng kinh A Di Đà, - Niệm danh hiệu Phật - Thỉnh chư Phật và trì chú	Quán đỉnh và đọc chú, niệm chân ngôn

6.	<i>Đàn ngục</i>	Tập trung, quán tưởng	Niệm danh hiệu Phật	Sử dụng tích tượng, ấn - quyết và đọc chú
7.	<i>Đàn cắt kết</i>	Nt	Nt	Nt
8.	<i>Mông sơn-thí thực</i>	Nt	Nt	Nt
9.	<i>Phóng sinh</i>	Nt	Niệm danh hiệu Phật	Đọc các bài chú

Nhìn vào đây có thể thấy, mặc dù yếu tố Thiên tông xuất hiện trong hầu hết các bước lễ, song yếu tố nổi trội trong Trai đàn chẩn tế chính là Tịnh độ và Mật tông. Tuy vậy, dù các yếu tố có đậm nhạt khác nhau trong từng khoa lễ, song nhìn một cách đại thể có thể thấy rõ nghi lễ Trai đàn chẩn tế thể hiện tương đối rõ nét cả ba yếu tố Thiên, Tịnh, Mật. Trong các đàn lễ và nghi thức chính của lễ Trai đàn chẩn tế, các yếu tố này luôn song hành và hiện hữu. Tuy vậy, đáng chú ý nhất là hai yếu tố Tịnh và Mật, những yếu tố làm cho nghi lễ có thể thực hiện được bởi tính thiêng của nó.

Đây là hạt nhân của nghi lễ. Sự tuân tự của các bước lễ và sự hội tụ của các vị Phật thần cho thấy nghi lễ Trai đàn chẩn tế là đỉnh cao của sự hội nhập văn hóa giữa Phật giáo và các tôn giáo, tín ngưỡng khác, trong đó có Nho giáo, Đạo giáo và tín ngưỡng bản địa.

2. Sự dung hợp Nho, Đạo giáo và tín ngưỡng bản địa trong nghi lễ

Hiện tượng này biểu hiện rõ nét nhất trong các nghi lễ ứng phó đạo tràng. Ở đây, tập trung phân tích trường hợp nghi lễ Trai đàn chẩn tế. Như trên đã đề cập, Trai đàn chẩn tế là nghi lễ Phật giáo, là kết quả của quá trình phát triển đỉnh cao của Phật giáo Đại thừa cho đến ngày nay. Có các tên gọi khác nhau, như lễ Chẩn tế cô hồn, Phá độ gia tiên, nhưng Trai đàn chẩn tế vẫn là một khái niệm chỉ đúng bản chất của nội hàm vấn đề cũng như mục tiêu của nghi lễ này đặt ra. Trai đàn chẩn tế, vì thế là nghi lễ Phật giáo dùng tha lực của các vị Phật, Bồ Tát, Thánh nhằm mục đích cứu rỗi các chân linh, cô hồn do chết “bất đắc kỳ tử”, chết oan hay do nghiệp chướng kiếp trước nặng, mang nhiều tội lỗi nên khi chết bị đọa vào địa ngục hoặc đầu thai ở các kiếp người, súc sinh khác. Thông qua các nghi lễ đạo tràng được lập ra mà các sư tăng và những người trong gia quyến thực hiện nghi lễ giải oan cho các vong hồn thân nhân được siêu thoát và với hy vọng được vãng sinh về nơi Tây phương Cực lạc.

Đây là nghi lễ được coi là đỉnh cao của sự hội nhập giữa các yếu tố văn hóa, tôn giáo và tín ngưỡng khác, ở đây là Nho giáo, Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian bản địa. Tại sao Phật giáo lại chủ động dung hợp những yếu tố trên trong nghi lễ này? Nó bắt nguồn từ hai lý do.

Thứ nhất, bản thân Phật giáo, sau khi có sự ra đời của Phật giáo Đại thừa, đặc biệt là sự xuất hiện cõi “Tây phương cực lạc” đã thể hiện đậm tính chất tôn giáo của nó. Và quan trọng hơn, đó là vai trò của hai yếu tố Tịnh-Mật. Bên cạnh đó, vì là “tam giáo đồng nguyên” với nhiều yếu tố gắn với nguồn gốc hình thành và phát triển, đồng thời trong quá trình sống chung với Nho và Đạo giáo, Phật giáo đã sử dụng những yếu tố tương đồng của hai tôn giáo này như một phương tiện để thực hiện việc hoằng dương Phật pháp gắn với các nghi thức đậm tính chất “cứu rỗi” chúng sinh. Theo nhận xét của GS. Hà Văn Tấn: “Nếu đặt Phật giáo trong bối cảnh giữa các hệ

thống tôn giáo, tư tưởng khác của Việt Nam như Nho, Lão Trang và Đạo giáo, ta có thể thấy Thiên thường xích lại gần với Nho và Lão Trang, còn Mật và Tịnh lại gần với Đạo giáo” (5). Và chính điều này làm nên tính thiêng của Phật giáo để có thể nhập thế, đi vào đời sống văn hóa, tâm linh của người dân bản địa.

Thứ hai, nghi lễ Trai đàn chẩn tế của Phật giáo ra đời không chỉ vì mục đích cứu độ chúng sinh siêu thoát và thoát khỏi cõi địa ngục thuần túy như tinh thần trong kinh Vu Lan đã nói, mà còn vì thực tế của việc truyền đạo, thông qua hình thức này hay hình thức khác, làm sao cho phù hợp với nhận thức và đáp ứng được nguyện vọng thực tế của nhân dân theo đúng như nhận xét của GS. Hà Văn Tấn (6).

Có thể nói, sự xuất hiện của Nho, Đạo giáo và tín ngưỡng bản địa trong nghi lễ Trai đàn chẩn tế là một bằng chứng cho thấy tính mở trong tư tưởng của Phật giáo cũng như khẳng định tinh thần “vô thường” “vô ngã” của Phật giáo khi sử dụng nhiều phương tiện khác nhau để chuyển tải nội dung cốt yếu tư tưởng của mình tới người dân, bằng cách hội nhập một cách toàn diện với văn hóa và tôn giáo khác nhau, đáp ứng nhu cầu của người dân.

Bảng 2. Những yếu tố Nho, Đạo và tín ngưỡng bản địa trong nghi lễ

Nho giáo	<ul style="list-style-type: none"> - Quan niệm ngũ hành - Hình thức sớ trạng - Thứ tự, ngôi vị của các vị Phật, thánh trong đàn lễ
Đạo giáo	<ul style="list-style-type: none"> - Quan niệm về thế giới (Tam phủ): Thiên, Địa, Thủy; - Vị trí và vai trò của Ngọc hoàng Thượng đế, Nam Tào, Bắc Đẩu; - Các đồ mã tiến chầu Phật, chúng sinh, cô hồn
Tín ngưỡng bản địa	<ul style="list-style-type: none"> - Quan niệm: “trần sao âm vậy”; cúng dâng cỗ mặn: gà, xôi, thịt; - Sự hiện diện của các vị thần đất, thần hoàng làng trong nghi lễ; - Thế giới tổ tiên, ông bà

Biểu hiện một cách cụ thể của sự hỗn dung có thể thấy rất rõ trong đàn lễ, từ khâu chuẩn bị cho đến các bước lễ. Như trên đã nói, Trai đàn chẩn tế là nghi lễ có thể coi như đỉnh cao về cuộc “kết duyên” độc đáo giữa Phật giáo và tín ngưỡng truyền thống dân tộc; giữa Phật giáo với một số tôn giáo khác. Khảo cứu các bộ quốc sử và tư liệu điền dã trực tiếp các đàn lễ Trai đàn chẩn tế, chúng tôi rút ra một số khía cạnh sau:

Đề cầu siêu thoát cho các chân linh, cô hồn, *các sư tăng phải chuẩn bị đàn tràng với đầy đủ hai yếu tố: tượng chầu Phật thánh và vật phẩm cúng dâng cần thiết.* Tượng và đồ lễ đặt trong đàn lễ phổ biến gồm 5 lớp:

Lớp 1, trên cùng, là tượng Đức Phật A Di Đà và hai bên là Quán Thế Âm và Đại Thế Chí (7);

Lớp 2, Mũ Bình Thiên, biểu tượng đại diện Tam phủ (Thiên - Địa - Thủy)

Lớp 3, Ngọc Hoàng Thượng đế và hai bên là Nam Tào và Bắc Đẩu; dưới Nam Tào Bắc Đẩu là Đương Niên (cai quản năm), Đương Cảnh (Thành hoàng làng)

Lớp 4, năm bài vị của Bồ Tát Địa Tạng, Mục Kiền Liên và các vị sứ giả;

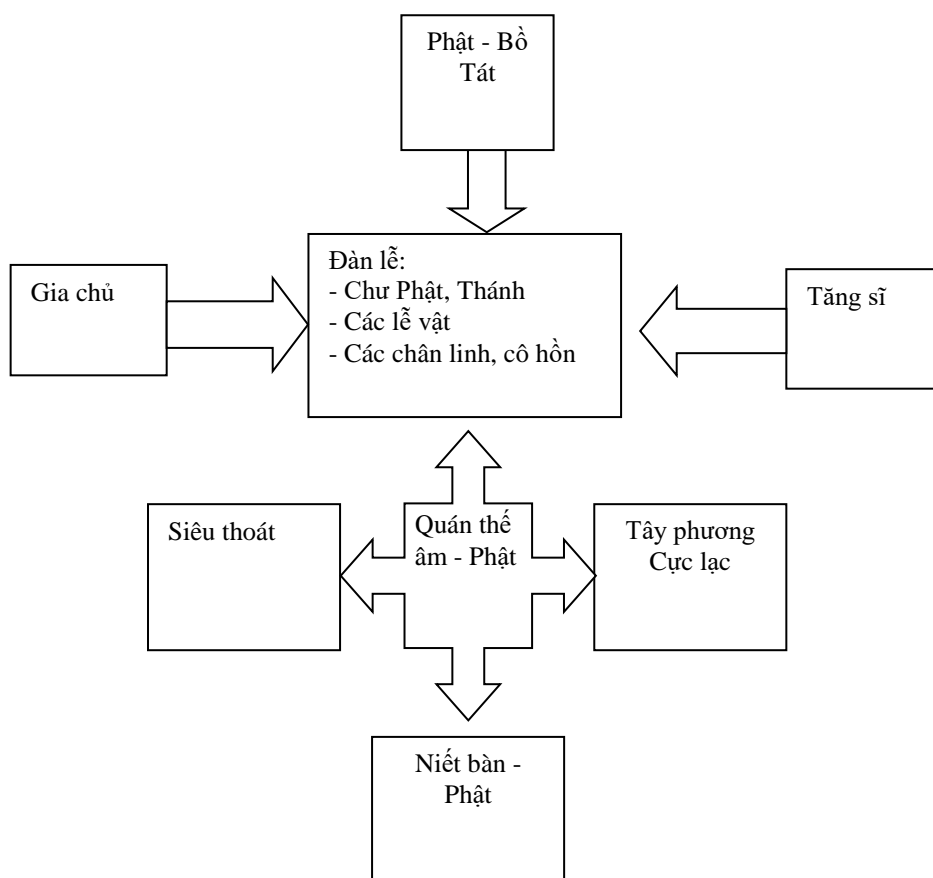
Lớp 5, lớp dưới cùng là tượng (thông thường thay bằng mũ) của sứ giả Ngũ phương: Đông, Tây, Nam, Bắc và Thiên.

Đây là thứ tự các lớp tượng trong lễ Trai đàn chẩn tế thường gặp trong các chùa ở Hà Nội. Tùy từng vị trí của đàn lễ trong chùa hay ngoài sân mà sự sắp xếp này có quy mô khác nhau, nhưng những nguyên tắc chung là không thay đổi.

Như vậy, để dâng vật phẩm cúng dàng chư Phật cũng như để thực hiện được nghi lễ Trai đàn chẩn tế, ngoài giáo lý kinh sách của nhà Phật và lục cúng: hương, hoa, đăng, trà, quả, thực, các sư tăng còn phải chuẩn bị các loại vật phẩm khác gồm: sớ, điệp, trạng, sắc, phớ ý, và các đồ mã khác như mũ, ngựa, hia, roi, hình nhân, quần áo, cỗ “mặn” (lợn, gà),... để dâng cúng.

Như trên đã nói, Trai đàn chẩn tế là nghi lễ Phật giáo. Dù là nghi lễ thể hiện sự hỗn dung tôn giáo khá đậm đặc, nhưng tinh thần cũng như mục tiêu cuối cùng không thay đổi, như quan điểm đã được tổng kết: “nước biển chỉ có một vị là vị mặn của muối, cũng thế, giáo lý của Ta chỉ có một vị là vị giải thoát” (8). Những phương tiện trong đàn lễ chỉ là cái “sự” để thông qua đó, Phật giáo thực hiện nhiệm vụ hoằng dương Phật pháp, giúp người dân tìm đến với Phật để giáo hóa họ, giúp họ tìm kiếm tinh thần Phật ngay trong chính bản thân mình.

Sơ đồ: Hướng mục tiêu của lễ Trai đàn chẩn tế



Ở đây, nghi lễ Trai đàn chẩn tế cho ta thấy tư tưởng vô ngã, vô thường cũng như tính vận động được thể hiện rất rõ trong Phật giáo. Đó là việc sử dụng phương tiện khác nhau để nhập thế, lấy hồn dung tôn giáo, tín ngưỡng để đến với tín đồ, Phật tử bản địa; thứ hai, ngay trong các vật phẩm cúng dàng trong nghi lễ thể hiện cả hai phương diện tôn giáo và truyền giáo.

Các bước lễ phải được thực hiện một cách tuần tự và được Pháp chủ (tăng chủ đàn lễ) quán xuyên xuyên suốt nghi lễ từ lúc thỉnh sư tăng cho đến khi gọi vong về, rồi thỉnh Phật, tụng kinh.

Qua quan sát cùng quá trình phỏng vấn tham dự, chúng tôi đúc kết có 8 bước lễ có tính chất bắt buộc và ổn định trong lễ Trai đàn chẩn tế, gồm: 1) Lễ cúng tổ - thỉnh sư tăng, 2) Phát tấu, 3) Triệu vong, tẩm vong - quy vong, 4) Thỉnh Phật, tụng kinh, 5) Chạy đàn - phá ngục, 6) Giải oan - cắt kết, 7) Mông sơn, và 8) Thỉnh xá - phóng xá.

Như vậy, các bước lễ thể hiện tính tuần tự và sự liên hoàn từ khi gọi vong về cho đến khi giải phóng, giải thoát cho các vong-chân linh. Nhưng quan trọng ở đây là, muốn thực hiện nghi lễ này thì trước hết phải thỉnh sư tăng và vai trò của các sư tăng cũng như giáo lý Phật giáo trong toàn bộ nghi lễ này, từ khi “triệu” các vong dưới “địa ngục” về cho đến khi tụng kinh, giáo huấn rồi “phá ngục”, “giải oan - cắt kết” để các chân linh, cô hồn được siêu thoát.

*

* *

Thông qua nghiên cứu các bước lễ trong một nghi lễ cho chúng ta thấy nổi bật một vấn đề: đó là tính quán xuyên xuyên suốt, sâu sắc của giáo lý Phật giáo được thể hiện trong hầu hết nội dung ca từ, từ những câu Than cô hồn cho tới nội dung các lá sớ - cho thấy việc hướng đến “nuơng nhờ cửa Phật” để được giải thoát. Bởi vậy, trong nghi lễ Trai đàn chẩn tế, ngôn ngữ của hai pháp tu Tịnh và Mật được sử dụng nhiều. Nói cách khác, nghi lễ Phật giáo dù có những hình thức khác nhau, song có thể khái quát thành hai dạng khác nhau. Đó là nghi lễ gắn với những yếu tố của Phật giáo nguyên thủy; và thứ hai là nghi lễ mang tính hội nhập. Các bước lễ trong nghi lễ Trai đàn chẩn tế thể hiện rõ nét nhất sự hỗn dung tôn giáo. Ở đây, một số yếu tố mang màu sắc phép thuật, bùa chú không những là hiện tượng Tam giáo cùng sử dụng, đặc biệt là Phật giáo Mật tông và Đạo giáo, mà còn thấy những nét nổi bật của Thiên - Tịnh - Mật đồng tu. Tuy vậy, dù tu tập, dù bằng các phương tiện và hình thức khác nhau, song con đường, mục đích cuối cùng của Phật giáo là giác ngộ: từ Phật đến với Phật. Phật đến với Pháp rồi đến với Tăng rồi để cuối cùng lại hòa về làm một, nhất thể tự tính Phật. Chúng ta không nên nhìn nhận các yếu tố đó một cách tiêu cực, cho rằng đó là hiện tượng mê tín, dị đoan hoặc không đúng với những giá trị truyền thống của Phật giáo. Mà chúng ta cần nhìn nhận một cách tinh tế hơn, đó là sự nỗ lực của người truyền đạo, mong muốn bằng những phương thức khác nhau vừa giản đơn, vừa gần gũi với những gì trong cuộc sống hàng ngày của người Phật tử để dễ dàng đưa tinh thần cốt lõi của Nhà Phật đến để giải thoát tham, sân, si của con người trong xã hội ở mỗi thời kỳ khác nhau. Đó là

mục tiêu cao cả của Đạo Phật từ khi được định hình cho đến ngày hôm nay mà Phật giáo Hà Nội và Việt Nam không nằm ngoài hướng đi đó./.

N.Đ.L

-
1. Tư liệu phỏng vấn tại chùa Dương Đình, Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội, ngày 17-11-2012.
 2. Đinh Viết Lực (2012), *Pháp tu Tịnh độ và tượng Phật A Di Đà trong các ngôi chùa Việt ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 31.
 3. Phạm Thị Lan Anh (2012), *Vấn đề Mật Tông qua một số chùa ở Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 75.
 4. Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (1990), *Thiền uyển tập anh*, Ngô Đức Thọ - Nguyễn Thúy Nga dịch và chú thích; dịch theo nguyên bản chữ Hán Trùng San, Nxb. Văn học và Phân Viện Nghiên cứu Phật học, Hà Nội, tr. 85.
 5. Hà Văn Tấn (2012), “Về ba yếu tố của Phật giáo Việt Nam”, in trong *Đạo pháp, Dân tộc, Chủ nghĩa xã hội và Hòa bình*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh và Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hà Nội, tr. 339.
 6. Hà Văn Tấn (2012), bđd, tr. 335-336.
 7. Nếu chùa rộng thì đàn lễ làm ở chính điện và như vậy không cần bày lại lớp này.
 8. Tâm Huệ Hỷ (2005), *Danh từ Phật học thực dụng*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 159.
-

Nguyễn Đình Lâm: *Buddhist rituals in Hanoi at present*

Buddhist rituals in Hanoi is distinct from ones in other places in Vietnam, particularly in Hue and Ho Chi Minh City. The unique characteristics are attributed to the regional and sectarian difference and the fact that Hanoi is the cultural and political center for many centuries. While being influenced by Buddhist teachings and doctrines, the Buddhist rituals in Hanoi have contributed its unique cultural features to Vietnamese Buddhism, which affirms the unity in diversity of Buddhism in Vietnam and in the world. Based on a specialized and inter-disciplinary approach, this article will draw out key features of the Buddhist rituals in Hanoi at present.

Keywords: Buddhist rituals, Buddhism in Hanoi, Sect.

